

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TIẾNG TRUNG QUỐC

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc định hướng nghiên cứu
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc định hướng ứng dụng
3. Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu
4. Ngôn ngữ Trung định hướng ứng dụng

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

BỘ MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC

MÃ SỐ: 8140111.04NC

(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc*

+Tiếng Anh: *Chinese Teaching Methodology*

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8140111.04NC

- Tên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: *Sư phạm tiếng Trung Quốc*

+Tiếng Anh: Chinese Language Teacher Education

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Trung Quốc

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành sư phạm tiếng Trung Quốc

+Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese Language Teacher Education

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng năng lực nghiên cứu lý luận và phương pháp giảng dạy các kỹ năng tiếng Trung Quốc theo đường hướng giáo dục hiện đại, dạy kiến thức văn hóa và văn học Trung Quốc,

tiếng Trung Quốc chuyên ngành, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc, thiết kế chương trình dạy học tiếng Trung Quốc, v.v... Chương trình đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Trung Quốc trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ giảng dạy tiếng Trung Quốc; có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, quan sát, phân tích, suy luận, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Chương trình cung cấp cho học viên kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn và các khoa học sư phạm; mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Trung Quốc để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Trung Quốc ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu các hoạt động xã hội có liên quan.

Về kỹ năng:

Chương trình đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Trung Quốc, phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của người khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế. Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện nghiên cứu độc lập các vấn đề về giảng dạy tiếng Trung Quốc như: Các vấn đề về giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và các vấn đề chuyên môn khác.

Học viên được rèn luyện những kỹ năng trên để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân, góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có năng lực học tập độc lập và học suốt đời, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghề giáo cũng như đạo đức nghiên cứu, có niềm đam mê khám phá tri thức mới, quan tâm đến kết nối và phục vụ cộng đồng, sáng tạo trong giải quyết vấn đề, chủ động, tập trung trong quá trình học tập, nghiên cứu, hiệu quả trong quản lý thời gian, thích ứng nhanh với những thay đổi trong môi trường giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc khác nhau.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN - ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui đúng ngành hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (tốt nghiệp từ loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (tốt nghiệp loại Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc hoặc ngành phù hợp.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	P14	PO 15	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x		x
CHI6022	Khái luận Hán tự học					4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5		5			x	x	x	x
CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc)			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		4					4	4	4	5	4	5			4	x	x	x	x
CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x
CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			5	5	5	4	5	5	5	5	5		5	4	4	x	x	x	x
CHI6024	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc			4				4	4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI8006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI8021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
STC6006	Thiết kế chương trình			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
STC6001	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc			4	5	5	5	4	4	4	4	4		4	4	4	x	x	x	x
	Thụ đắc ngôn ngữ				4			4	4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
STC6009	Kiểm tra -đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x

STC600 5	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc	4		4			4	4	4	4	4	4	4	5		4	x	x	x	x
	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
		Kiến thức						Kỹ năng								Tự chủ				

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CDR 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.

- CDR 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành/ chuyên ngành

- CDR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.

- CDR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- CDR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

1.3. Kiến thức của ngành/ chuyên ngành

- CDR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

-CDR 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả

và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- CDR 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với tiểu luận/ luận văn tốt nghiệp

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Trung Quốc.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc, thiết kế chương trình dạy tiếng Trung Quốc, dạy học các môn chuyên ngành bằng tiếng Trung Quốc, hoặc kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc được Tiểu ban Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu mà học viên thu được trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 chữ Hán), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- CDR 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- CĐR 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CĐR 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CĐR 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- CĐR 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CĐR 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).
- CĐR 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CĐR 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.
- CĐR 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CDR 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

- CDR. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MÔI TƯỜNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 7) CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR 1	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR 2	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x					x	x	x	x
CDR 3	<i>Vận dụng tổng hợp</i> được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để <i>rút ra nguyên tắc, quy luật</i> trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
CDR 4	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 5	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
CDR 6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Trung Quốc, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp	x	x		x			x	x		x	x	x	

	giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.																		
CDR 7	Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x			x	x	x					
CDR 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/ thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x			x	x	x					
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng																		
2.1	Kỹ năng chuyên môn																		
CDR 9	Vận dụng các kỹ năng của thể kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x							x	x	x	x			
CDR 10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x					x	x	x	x			
CDR 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x					x	x	x	x			
CDR 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	x	x	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x			
CDR 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x				x	x	x	x			
2.2	Kỹ năng khác																		
CDR 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x								x	x	x	x		
CDR 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và	x	x		x	x	x	x						x	x	x	x		

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04 tín chỉ**;

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **18 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **12 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **06 tín chỉ**

- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **09 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* : **06 tín chỉ**

+ *Tự chọn* : **03 tín chỉ**

- Nghiên cứu khoa học: **30 tín chỉ**

+ *Chuyên đề nghiên cứu*: **15 tín chỉ**

+ *Luận văn*: **15 tín chỉ**

1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	80	0	0	
II		Khối kiến thức theo nhóm ngành /chuyên ngành	18				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	12				
2.	CHI6022	Khái luận Hán tự học (An introduction to Studies of Chinese Characters)	3	45	0	0	
3.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese Morpho-syntactics)	3	45	0	0	
4.	CHI 6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	3	45	0	0	
5.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Phonetics and Phonology in Language Teaching)	3	45	0	0	
<i>II.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	6				
6.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics (Chinese))	3	45	0	0	

7.	CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	45	0	0	
8.	CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao (Advanced Classical Chinese)	3	45	0	0	
9.	CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Hán (Introduction to Chinese Classical Novels)	3	45	0	0	
10.	CHI6012	Văn học Trung Quốc (Chinese Literature)	3	45	0	0	
11.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (Translation Studies (Chinese))	3	45	0	0	
12.	CHI6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Trung Quốc) (General Linguistics (Chinese))	3	45	0	0	
13.	CHI6009	Tu từ học tiếng Trung Quốc (Chinese Stylistics)	3	45	0	0	
14.	CHI6021	Ngữ dụng học (tiếng Trung Quốc) (Pragmatics (Chinese))	3	45	0	0	
III.3		Khóikiến thức ngành /chuyên ngành	9				
<i>III.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	6				
15.	CHI6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language)	3	45	0	0	
16.	CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc (Introduction to Chinese education)	3	45	0	0	
<i>III.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	3		0	0	
17.	CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (Semantics (Chinese))	3	45	0	0	
18.	CHI6010	Tiếng Trung Quốc cổ đại (Ancient Chinese)	3	45	0	0	
19.	CHI 6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Trung-Việt (Chinese-Vietnamese Language Contact)	3	45	0	0	
20.	CHI6025	Phân tích Diễn ngôn (tiếng Trung Quốc)	3	45	0	0	

		<i>(Discourse Analysis (Chinese))</i>					
21.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội <i>(Social emotional intelligence and communication)</i>	3	45	0	0	
22.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời <i>(Design your Lefe)</i>	3	45	0	0	
23.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp <i>(Teacher ethics and professional development)</i>	3	45	0	0	
24.	GLE 6001	Giáo dục cách tân <i>(Innovative education)</i>	3	45	0	0	
IV		Chuyên đề nghiên cứu	15				
25.	STC6006	Thiết kế chương trình và phát triển tài liệu <i>(Chinese Language Teaching Curriculum Design and Materials Development)</i>	3	45	0	0	
26.	STC6001	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc <i>(Chinese Language Teaching Methodology)</i>	3	45	0	0	
27.	STC6008	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai <i>(Language acquisition)</i>	3	45	0	0	
28.	STC6009	Kiểm tra -đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc <i>(Testing and assessment in Chinese language)</i>	3	45	0	0	
29.	STC6005	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc <i>(research methods in Chinese language)</i>	3	45	0	0	
30.	STC6002	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt <i>(Studies in Chinese – Vietnamese Language Contacts)</i>	3	45	0	0	
31.	STC6010	Ngôn ngữ học lịch sử <i>(Historical Linguistic)</i>	3	45	0	0	
32.	STC6003	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc <i>(Cultural linguistics)</i>	3	45	0	0	
33.	STC6004	Ngôn ngữ học xã hội <i>(Sociolinguistics)</i>	3	45	0	0	

V		Luận văn tốt nghiệp <i>(Graduation thesis)</i>	15				
Tổng cộng			61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN
TIẾNG TRUNG QUỐC

MÃ SỐ: 8140111.04UD

(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**

+Tiếng Việt: *Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc*

+Tiếng Anh: *Chinese Teaching Methodology*

- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 8140111.04UD

- **Tên ngành đào tạo:**

+Tiếng Việt: *Sư phạm tiếng Trung Quốc*

+Tiếng Anh: Chinese Language Teacher Education

- **Ngôn ngữ đào tạo:** Tiếng Trung Quốc

- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

- **Thời gian đào tạo:** 2 năm

- **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành sư phạm tiếng Trung Quốc

+Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese Language Teacher Education

- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc định hướng ứng dụng đặt trọng tâm vào việc bồi dưỡng đào tạo ra những nhà chuyên môn có trình độ lý luận nâng cao về giảng dạy tiếng Trung Quốc và các ngành khoa học liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Trung Quốc trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ giảng dạy tiếng Trung Quốc, dạy kiến thức văn hóa và văn học Trung Quốc, tiếng Trung Quốc chuyên ngành, ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc, thiết kế chương trình dạy học tiếng Trung Quốc, v.v...theo các đường hướng giáo dục hiện đại; có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, quan sát, phân tích, suy luận, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc nói riêng và sự nghiệp giáo dục ngoại ngữ nói chung.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Chương trình cung cấp cho học viên kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung Quốc (lý luận và phương pháp giảng dạy, thiết kế chương trình giảng dạy, thụ đắc ngôn ngữ, kiểm tra đánh giá v.v...) và các khoa học liên quan (ngôn ngữ học, tâm lý học, văn hóa học, giáo dục học v.v...) ; mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Trung Quốc để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Trung Quốc ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu các hoạt động xã hội có liên quan. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp hệ thống đường hướng, phương pháp, kỹ thuật và công cụ nghiên cứu về chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc.

Về kỹ năng:

Chương trình đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Trung Quốc, phát triển kỹ

năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của người khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế. Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để thực hiện nghiên cứu độc lập các vấn đề về giảng dạy tiếng Trung Quốc như: Các vấn đề về giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên được rèn luyện những kỹ năng trên để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân, góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Trung Quốc trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có năng lực học tập độc lập và học suốt đời, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghề giáo cũng như đạo đức nghiên cứu, có niềm đam mê khám phá tri thức mới, quan tâm đến kết nối và phục vụ cộng đồng, sáng tạo trong giải quyết vấn đề, chủ động, tập trung trong quá trình học tập, nghiên cứu, hiệu quả trong quản lý thời gian, thích ứng nhanh với những thay đổi trong môi trường giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc khác nhau.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN - ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui đúng ngành hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (tốt nghiệp từ loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (tốt nghiệp loại Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc hoặc ngành phù hợp.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình,

bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

C. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	PO 14	PO 15	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	X	X		X
CHI6022	Khái luận Hán tự học					4		4	4	4	4	5		4	4	4	X	X	X	X
CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5		5			X	X	X	X
CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			X	X	X	X
CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	X	X	X	X
CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc)			4					4	4	4	5	4	5			X	X	X	X
CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao	4		4			4		4	4	4	4		5			X	X	X	X
CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5	4	5			X	X	X	X
CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			5	5	5	4	5	5	5	5	5		5	4	4	X	X	X	X
CHI6003	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc	4		4			4	4	4	4	4	4	4	5		4	X	X	X	X
CHI6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán – Việt					4		4	4	4	4	5		4	4	4				
CHI6002	Ngôn ngữ học xã hội	4	4	4	4		4		4	4	4	5		4	4	4	X	X	X	X
CHI6024	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc			4				4	4	4	4	5	4	5			X	X	X	X
CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	X	X	X	X
STC6008	Thụ đắc ngôn ngữ				4			4	4	4	4	5		4		4	X	X	X	X

STC6001	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc			4	5	5	5	4	4	4	4	4		4	4	4	x	x	x	x
CHI6026	Thiết kế chương trình			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6014	Kiểm tra -đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6007	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x
	Thực tập SP 1	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
	Thực tập SP 2	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
		Kiến thức						Kỹ năng									Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm			

D. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CDR 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CDR 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành

- CDR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CDR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, tâm lý học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CDR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp sư phạm;

1.3. Kiến thức của ngành

- CDR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực phương pháp giảng dạy, phục vụ các công việc giảng dạy và nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy

như giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai, nghiên cứu về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

-CDR 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- CDR 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Trung Quốc.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc, thiết kế chương trình dạy tiếng Trung Quốc, dạy học các môn chuyên ngành bằng tiếng Trung Quốc, hoặc kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc được Tiểu ban Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu mà học viên thu được trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng khoảng 40 trang A4 (khoảng 15.000 chữ Hán), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

- CĐR 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- CĐR 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CĐR 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CĐR 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kĩ năng khác

- CĐR 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CĐR 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).
- CĐR 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CDR 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- CDR 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Trung Quốc với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

4. Về phẩm chất đạo đức

- CDR 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu về phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

- CDR 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MÔI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7) CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG TRUNG QUỐC (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
CDR 1	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
CDR 2	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x					x	x	x	x
CDR 3	<i>Vận dụng tổng hợp</i> được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để <i>rút ra nguyên tắc, quy luật</i> trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
CDR 4	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
CDR 5	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	

1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
CĐR 6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Trung Quốc, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	
CĐR 7	Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
CĐR 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng đọc/ thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x		x			x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
CĐR 9	Vận dụng các kỹ năng của thể kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
CĐR 10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
CĐR 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
CĐR 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.		x	x	x	x					x	x	x	x
CĐR 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

	ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).													
2.2	Kỹ năng khác													
CDR 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
CDR 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
CDR 16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CDR 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Trung Quốc và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Trung Quốc để đạt hiệu quả và tiên độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
CDR 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
CDR 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc;
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Tiếng Trung Quốc
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Trung Quốc và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04 tín chỉ**;

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **27 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 15 tín chỉ

+ Tự chọn: 12 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **15 tín chỉ**

+ Bắt buộc : 09 tín chỉ

+ Tự chọn : 06 tín chỉ

- Thực tập : **06 tín chỉ**

- Đồ án tốt nghiệp : **09 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II		Khối kiến thức theo nhóm ngành /chuyên ngành	27				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	15				
2.	CHI6022	Khái luận Hán tự học (An introduction to Studies of Chinese Characters)	3	45	0	0	
3.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese Morpho-syntactics)	3	45	0	0	
4.	CHI6044	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (An introduction to Studies of Chinese Vocabulary)	3	45	0	0	
5.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Phonetics and Phonology in Language Teaching)	3	45	0	0	

6.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
II.2		Các học phần tự chọn	12				
7.	CHI6040	Tiếng Hán cổ đại nâng cao (<i>Advanced Classical Chinese</i>)	3	45	0	0	
8.	CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc (<i>Introduction to Chinese Classical Novels</i>)	3	45	0	0	
9.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Translation Studies (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
10.	CHI6003	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Methodology of Chinese language study</i>)	3	45	0	0	
11.	CHI6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt (<i>Chinese-Vietnamese Language Contact</i>)	3	45	0	0	
12.	CHI6002	Ngôn ngữ học xã hội (<i>Sociolinguistics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
III.3		Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	15				
III.1		Các học phần bắt buộc	9				
13.	CHI6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (<i>Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
14.	CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Language Education</i>)	3	45	0	0	
15.	CHI6049	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (<i>Second Language Acquisition</i>)	3	45	0	0	
III.2		Các học phần tự chọn	6				
16.	CHI6052	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc (<i>Chinese Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
17.	CHI6026	Thiết kế chương trình và phát triển tài liệu (<i>Chinese Language Teaching Curriculum Design and Materials Development</i>)	3	45	0	0	

18.	CHI6014	Kiểm tra -đánh giá trong dạy học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Language Testing and Assessment</i>)	3	45	0	0	
19.	CHI6007	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc (<i>Chinese Culture-Linguistics</i>)	3	45	0	0	
20.	CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (<i>Pragmatics (Chinese)</i>)	3	45	0	0	
21.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
22.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Life</i>)	3	45	0	0	
23.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
24.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
IV		Thực tập	6				
	PCM6003	Thực tập sư phạm 1 (<i>Teaching Practice 1</i>)	3	15	30		
	PCM6004	Thực tập sư phạm 2 (<i>Teaching Practice 2</i>)	3	15	30		
V		HP tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp	9				
Tổng cộng			61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SỸ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

MÃ SỐ: 8220204NC

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành/chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: Chinese Linguistics
- Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: 8220204NC
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: Chinese Linguistics
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Trung Quốc
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- ***Tên văn bằng tốt nghiệp:***
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese Linguistics
- ***Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:*** Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phê phán và hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc. Chương trình đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học Trung Quốc và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hóa Trung Quốc, có hiểu biết rộng về bối cảnh nghiên cứu và các xu hướng nghiên cứu mới trên thế giới... để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc; có tính linh hoạt và có năng lực cao (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp ở trình độ cao, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu mới, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (lý thuyết ngữ pháp, từ vựng, Hán tự, ngữ âm học, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đối chiếu, phân tích các tác phẩm văn học kinh điển, nghiên cứu dịch thuật, thụ đắc ngôn ngữ v.v...), mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc (Ngôn ngữ và văn hóa, tiếp xúc ngôn ngữ v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Chương trình còn cung cấp hệ thống các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

Về kỹ năng: Chương trình phát triển hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể, bao gồm kỹ năng xác lập mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, kỹ năng xây dựng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phát triển đề tài, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu, kỹ năng truy

cập thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của những nhà nghiên cứu khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế. Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc: Các vấn đề về lý thuyết ngữ pháp tiếng Trung Quốc, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, ngữ dụng học tiếng Trung Quốc, ngôn bản tiếng Trung Quốc, đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, giao tiếp giao văn hoá Trung-Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng phát triển các khái niệm lý thuyết, khả năng xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, có khả năng đưa ra các ý tưởng mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội, có trách nhiệm cao trong công việc học tập cũng như công việc chuyên môn sau này.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung hoặc Sư phạm tiếng Trung.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.
- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung.

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

E. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	CĐ R 1	CĐ R 2	CĐ R 3	CĐ R 4	CĐ R 5	CĐ R 6	CĐ R 7	CĐ R 8	CĐ R 9	CĐ R 10	CĐ R 11	CĐ R 12	CĐ R 13	CĐ R 14	CĐ R 15	CĐ R 16	CĐ R 17	CĐ R 18	CĐ R 19
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x		x
CHI6022	Khái luận Hán tự học					4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5		5			x	x	x	x
CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI 6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học		4						4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc)			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x

CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			5	5	5	4	5	5	5	5	5		5	4	4	x	x	x	x
CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x
STC 6008	Thụ đặc ngôn ngữ thứ hai				4			4	4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
CHI6024	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc			4				4	4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
STC6002	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán-Việt					4		4	4	4	4	5		4	4	4				
STC6010	Ngôn ngữ học lịch sử tiếng Trung Quốc					4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
STC6003	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
STC6004	Ngôn ngữ học xã hội	4	4	4	4		4		4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x

STC6005	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc	4		4			4	4	4	4	4	4	4	5		4	x	x	x	x
	Luận văn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
		Kiến thức								Kỹ năng							Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm			

F. Chuẩn đầu ra

(Lưu ý: Chuẩn đầu ra cần được viết theo lí thuyết của Bloom và đáp ứng yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với trình độ thạc sĩ).

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CĐR 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CĐR 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- CĐR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, ngôn ngữ và văn hoá, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CĐR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- CĐR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và Hán tự để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- CĐR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, phiên dịch, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- CDR 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- CDR8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung định hướng nghiên cứu là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ,...

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ (khoảng 80 trang A4 hoặc 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (*Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...*)

- CDR 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các

nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- CĐR 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

- CĐR 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- CĐR 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- CĐR 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm và các nguồn công nghệ thông tin để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- CĐR 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng) để tiến hành một nghiên cứu chuyên ngành phục vụ công việc chuyên môn.

- CĐR 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn trong quá trình truyền đạt tri thức, phục vụ mục đích công việc chuyên môn, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CĐR 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- CĐR 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- CĐR 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

CĐR. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Khung trình độ quốc gia (bậc 7)	CD R 1	CD R 2	CD R 3	CD R 4	CD R 5	CD R 6	CD R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10	CD R 11	CD R 12	CD R 13	CD R 14	CD R 15	CD R 16	CD R 17	CD R 18	CD R 19
Kiến thức																			
Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.			x	x	x	x	x	x											
Kiến thức liên ngành có liên quan				x		x													
Kiến thức chung về quản trị và quản lý	x	x																	
Kỹ năng																			
Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.									x										
Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề															x				

chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác.																			
Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.													X						
Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.									X			X							
Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.										X	X								
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm																			
Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.															X				
Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.																			X
Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.																		X	
Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.																X			
	Kiến thức							Kỹ năng					Mức tự chủ và chịu trách nhiệm						

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Trung Quốc tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Trung Quốc làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Trung Quốc và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện,...

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kĩ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc như biên dịch tiếng Trung Quốc, phiên dịch tiếng Trung Quốc, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng nghiên cứu, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04 tín chỉ**;

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **18 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **12 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **06 tín chỉ**

- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **09 tín chỉ**

+ *Bắt buộc* : **06 tín chỉ**

+ *Tự chọn* : **03 tín chỉ**

- Nghiên cứu khoa học: **30 tín chỉ**

+ *Chuyên đề nghiên cứu*: **15 tín chỉ**

+ *Luận văn*: **15 tín chỉ**

1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	45	0	0	
II		Khối kiến thức theo nhóm ngành /chuyên ngành	18				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	12				
2.	CHI6045	Khái luận Hán tự học (Introduction to Chinese Grammarology)	3	45	0	0	

3.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Morpho-syntactics</i>)	3	45	0	0	
4.	CHI 6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (<i>Research Methodology</i>)	3	45	0	0	
5.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Phonetics</i>)	3	45	0	0	
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6				
6.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics</i>)	3	45	0	0	
7.	CHI6007	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc (<i>Chinese Culture-Linguistics</i>)	3	45	0	0	
8.	CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc (<i>Introduction to Literary Classics</i>)	3	45	0	0	
9.	CHI6009	Tu từ học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Stylistics</i>)	3	45	0	0	
10.	CHI6012	Văn học Trung Quốc (<i>Chinese Literature</i>)	3	45	0	0	
11.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc (<i>Studies in Chinese Translation</i>)	3	45	0	0	
III.3	Khối kiến thức ngành /chuyên ngành		9				
III.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	6				
12.	CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Semantics</i>)	3	45	0	0	
13.	CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
III.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	3				

14.	CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (<i>Chinese Phonetics</i>)	3	45	0	0	
15.	CHI6010	Tiếng Trung Quốc cổ đại (<i>Ancient Chinese</i>)	3	45	0	0	
16.	CHI6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (<i>Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
17.	CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc (<i>Essay on Chinese language education</i>)	3	45	0	0	
18.	CHI6046	Thiết kế chương trình (<i>Chinese Language Teaching Curriculum Design</i>)	3	45	0	0	
19.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
20.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Lefe</i>)	3	45	0	0	
21.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
22.	GLE 6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	
IV		Chuyên đề nghiên cứu	15				
23.	STC6002	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt (<i>Studies in Chinese – Vietnamese Language Contacts</i>)	3	45	0	0	
24.	STC6010	Ngôn ngữ học lịch sử	3	45	0	0	

		<i>(Historical Linguistic)</i>					
25.	STC6003	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc <i>(Cultural linguistics)</i>	3	45	0	0	
26.	STC6004	Ngôn ngữ học xã hội <i>(Sociolinguistics)</i>	3	45	0	0	
27.	STC6005	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc <i>(Methodology of Chinese language study)</i>	3	45	0	0	
28.	STC6006	Thiết kế chương trình và phát triển tài liệu <i>(Chinese Language Teaching Curriculum Design and Materials Development)</i>	3	45	0	0	
29.	STC6008	Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai <i>(Language acquisition)</i>	3	45	0	0	
30.	STC6009	Kiểm tra -đánh giá trong dạy hoc tiếng Trung Quốc <i>(Testing and assessment in Chinese language)</i>	3	45	0	0	
31.	STC6001	Giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc <i>(Chinese Language Teaching Methodology)</i>	3	45	0	0	
V		Luận văn tốt nghiệp	15				
Tổng cộng			61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

MÃ SỐ: **8220204UD**

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5. Một số thông tin về chương trình đào tạo

-Tên chuyên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: *Ngôn ngữ Trung Quốc*

+Tiếng Anh: Chinese Linguistics

-Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220204UD

-Tên ngành đào tạo:

+Tiếng Việt: Ngôn ngữ Trung Quốc

+Tiếng Anh: Chinese Linguistics

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Trung Quốc

-Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

-Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sỹ ngôn ngữ Trung Quốc

+Tiếng Anh: The Degree of Master in Chinese

-Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ,ĐHQGHN

6. Mục tiêu của chương trình đào tạo (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể)

2.1. Mục tiêu chung.

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Trung Quốc để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Trung Quốc trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kỹ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực ở trình độ cao (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm ở trình độ cao (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc (lý thuyết ngữ pháp, từ vựng, Hán tự, ngữ âm học, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đối chiếu, phân tích các tác phẩm văn học kinh điển, nghiên cứu dịch thuật, thụ đắc ngôn ngữ v.v...), mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc (Ngôn ngữ và văn hoá, tiếp xúc ngôn ngữ v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Chương trình còn cung cấp hệ thống các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

Về kỹ năng: Chương trình phát triển hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể, bao gồm kỹ năng xác lập mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, kỹ năng xây dựng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phát triển đề tài, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu, kỹ năng truy cập thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể như kỹ năng xác định

và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của những nhà nghiên cứu khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế. Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc: Các vấn đề về lý thuyết ngữ pháp tiếng Trung Quốc, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, ngữ dụng học tiếng Trung Quốc, ngôn bản tiếng Trung Quốc, đối chiếu ngôn ngữ Trung-Việt, giao tiếp giao văn hoá Trung-Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng phát triển các khái niệm lý thuyết, khả năng xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng đưa ra các ý tưởng mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội, có trách nhiệm cao trong công việc học tập cũng như công việc chuyên môn sau này.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Trung Quốc

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Trung Quốc

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung hoặc Sư phạm tiếng Trung.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác*: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung.

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C	C
		Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x		x
	Ngoại ngữ B2							4	4	4			4	4		4	x	x		x
CHI6022	Khái luận Hán tự học					4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5		5			x	x	x	x
CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Trung Quốc)			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x
CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc		4						4	4	4	5	4	5			x	x	x	x

CHI 6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	4		4			4		4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc			5	5	5	4	5	5	5	5	5		5	4	4	x	x	x	x
STC6005	Phương pháp luận nghiên cứu ngôn ngữ Trung Quốc	4		4			4	4	4	4	4	4	4	5		4	x	x	x	x
STC6002	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán-Việt					4		4	4	4	4	5		4	4	4				
STC6004	Ngôn ngữ học xã hội	4	4	4	4		4		4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc			4					4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	4		5			x	x	x	x
STC6003	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc	4		4			4		4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
STC6008	Thụ đắc ngôn ngữ				4			4	4	4	4	5		4		4	x	x	x	x
CHI6024	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc			4				4	4	4	4	5	4	5			x	x	x	x
STC6010	Ngôn ngữ học lịch sử					4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x

STC6006	Thiết kế chương trình			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
	Thực tập 1	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
	Thực tập 2	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x
		Kiến thức								Kỹ năng							Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm			

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- CĐR 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- CĐR 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- CĐR 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học Trung Quốc, ngôn ngữ và văn hoá, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- CĐR 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- CĐR 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và Hán tự để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- CĐR 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, phiên dịch, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- CĐR 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và

người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- CĐR8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án

Đồ án thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ,...

Đề tài đồ án là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Trung Quốc hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện đồ án theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của đồ án phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong đồ án phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có khối lượng 09 tín chỉ, được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (*Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...*)

- CĐR 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- CĐR 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- CĐR 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Trung Quốc tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- CĐR 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- CĐR 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm và các nguồn công nghệ thông tin để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- CĐR 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng) để tiến hành một nghiên cứu chuyên ngành phục vụ công việc chuyên môn.
- CĐR 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên môn trong quá trình truyền đạt tri thức, phục vụ mục đích công việc chuyên môn, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- CĐR 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.
- CĐR 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ tiếng Trung Quốc với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.
- CĐR 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công

việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

CĐR. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

MA TRẬN CDR CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Khung trình độ quốc gia (bậc 7)	CD R 1	CD R 2	CD R 3	CD R 4	CD R 5	CD R 6	CD R 7	CD R 8	CD R 9	CD R 10	CD R 11	CD R 12	CD R 13	CD R 14	CD R 15	CD R 16	CD R 17	CD R 18	CD R 19
Kiến thức																			
Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.			x	x	x	x	x	x											
Kiến thức liên ngành có liên quan				x		x													
Kiến thức chung về quản trị và quản lý	x	x																	
Kỹ năng																			
Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.									x										
Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề															x				

chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác.																			
Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.														X					
Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.										X			X						
Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.											X	X							
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm																			
Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.																X			
Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.																			X
Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.																		X	
Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.																	X		
	Kiến thức							Kỹ năng							Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Trung Quốc tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Trung Quốc làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Trung Quốc và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện...

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc như biên dịch tiếng Trung Quốc, phiên dịch tiếng Trung Quốc, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng, ...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc định hướng ứng dụng, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**, trong đó:

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04 tín chỉ**;

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **27 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 15 tín chỉ

+ Tự chọn: 12 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **15 tín chỉ**

+ Bắt buộc : 09 tín chỉ

+ Tự chọn : 06 tín chỉ

- Thực tập : **06 tín chỉ**

- Đồ án tốt nghiệp (đề án/ đồ án): **09 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4				
II		Khối kiến thức theo nhóm ngành /chuyên ngành	27				
<i>II.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	15				
2.	CHI6045	Khái luận Hán tự học (Introduction to Chinese Grammatology)	3	45	0	0	
3.	CHI6008	Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc (Chinese Morpho-syntactics)	3	45	0	0	
4.	CHI6040	Từ vựng học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	45	0	0	
5.	CHI6011	Ngữ âm học tiếng Trung Quốc (Chinese Phonetics)	3	45	0	0	
6.	CHI6004	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	45	0	0	
<i>II.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	12				
7.	CHI6044	Tiếng Hán cổ đại nâng cao (Ancient Chinese)	3	45	0	0	
8.	CHI6042	Phân tích các tác phẩm văn học kinh điển tiếng Trung Quốc	3	45	0	0	

		<i>(Introduction to Literary Classics)</i>					
9.	CHI 6003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>(Research Methodology)</i>	3	45	0	0	
10.	CHI6016	Nghiên cứu dịch thuật tiếng Trung Quốc <i>(Studies in Chinese Translation)</i>	3	45	0	0	
11.	CHI6013	Tiếp xúc ngôn ngữ Hán - Việt <i>(Studies in Chinese – Vietnamese Language Contacts)</i>	3	45	0	0	
12.	CHI6002	Ngôn ngữ học xã hội <i>(Sociolinguistics)</i>	3	45	0	0	
13.	CHI 6014	Kiểm tra -đánh giá trong dạy hoc tiếng Trung Quốc <i>(Testing and assessment in Chinese language)</i>	3	45	0	0	
III.3		Khối kiến thức ngành /chuyên ngành	15				
<i>III.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>	9				
14.	CHI6006	Ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc <i>(Chinese Semantics)</i>	3	45	0	0	
15.	CHI6021	Ngữ dụng học tiếng Trung Quốc <i>(Chinese Pragmatics)</i>	3	45	0	0	
16.	CHI6007	Ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc <i>(Cultural linguistics)</i>	3	45	0	0	
<i>III.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>	6				
17.	CHI6049	Thụ đắc ngôn ngữ <i>(Second Language Acquisition)</i>	3	45	0	0	

18.	CHI6024	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc (<i>Theories and Methods in Teaching Chinese as a Foreign Language</i>)	3	45	0	0	
19.	CHI6051	Ngôn ngữ học lịch sử (<i>Historical Linguistic</i>)	3	45	0	0	
20.	CHI6005	Dẫn luận giáo dục học tiếng Trung Quốc (<i>Essay on Chinese language education</i>)	3	45	0	0	
21.	CHI6046	Thiết kế chương trình (<i>Chinese Language Teaching Curriculum Design</i>)	3	45	0	0	
22.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
23.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Lefe</i>)	3	45	0	0	
24.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
25.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
IV		Thực tập	6				
	PCL 6001	Thực tập 1 (<i>Teaching practice 1</i>)	3	15	30	0	

	PCL 6002	Thực tập 2 (<i>Teaching practice 2</i>)	3	15	30		
V	CHI 7201	Đồ án tốt nghiệp	9				
Tổng cộng			61				

